Bài trắc nghiệm Sinh học - Cơ quan có chức năng lọc máu và tham gia tạo thành

Câu 1 **Cơ quan có chức năng lọc máu và tham gia tạo thành nước tiểu chính là**

A. Gan.

B. Niệu quản.

C. Bóng đái.

D. Thận.

Câu 2 **Dụng cụ thích hợp nhất để lấy 15 g bột sắt là**

A. Ống đong.

B. Cốc đong.

C. Cân điện tử.

D. Ống hút nhỏ giọt.

Câu 3 **Nơi chủ yếu diễn ra sự trao đổi khí giữa không khí và máu ở phổi là**

A. Khí quản.

B. Phế nang.

C. Phế quản.

D. Khoang mũi.

Câu 4 **Thành phần nào của máu tham gia quá trình đông máu, giúp bảo vệ cơ thể?**

A. Hồng cầu.

B. Bạch cầu.

C. Huyết tương.

D. Tiểu cầu.

Câu 5 **Cấu trúc nối cơ với xương và truyền lực khi cơ co là**

A. Dây chằng.

B. Gân.

C. Khớp.

D. Sụn.

Câu 6 **Tuyến nội tiết tiết insulin, hormone thyroxine lần lượt là**

A. Tuyến tụy, tuyến gan.

B. Tuyến tụy, tuyến giáp.

C. Tuyến yên, tuyến giáp.

D. Tuyến tụy, tuyến yên.

Câu 7 **Để đong khoảng 30 mL nước cất trong thí nghiệm, dụng cụ thích hợp nhất là**

A. Ống đong 100 mL.

B. Cân điện tử.

C. Vôn kế.

D. Cốc đong 1000 mL.

Câu 8 **Phần lớn chất dinh dưỡng sau khi được tiêu hóa được hấp thụ tại**

A. Thực quản.

B. Dạ dày.

C. Ruột non.

D. Ruột già.

Câu 9 **Hệ thần kinh trung ương ở người gồm**

A. Não bộ và tủy sống.

B. Não bộ và dây thần kinh.

C. Tủy sống và các giác quan.

D. Dây thần kinh và hạch thần kinh.

Câu 10 **Thói quen nào sau đây có lợi cho hoạt động bình thường của hệ bài tiết nước tiểu?**

A. Thường xuyên nhịn tiểu.

B. Uống rất ít nước.

C. Uống đủ nước và không nhịn tiểu lâu.

D. Thường xuyên ăn thức ăn quá mặn.

Câu 11 **Hai nhánh của khí quản dẫn khí vào hai phổi được gọi là**

A. Phế nang.

B. Mao mạch.

C. Thanh quản.

D. Phế quản.

Câu 12 **Nơi các đầu xương tiếp giáp với nhau được gọi là**

A. Khớp xương.

B. Bó cơ.

C. Dây thần kinh.

D. Mạch máu.

Câu 13 **Bộ phận có khả năng co, tạo lực kéo xương giúp cơ thể cử động là**

A. Cơ.

B. Xương.

C. Khớp.

D. Tủy xương.

Câu 14 **Tuyến tiết dịch giúp bắt đầu quá trình tiêu hóa tinh bột chín trong khoang miệng là**

A. Tuyến tụy.

B. Tuyến vị.

C. Tuyến nước bọt.

D. Tuyến ruột.

Câu 15 **Dụng cụ dùng để xác định hiệu điện thế giữa hai đầu một đoạn mạch là**

A. Ampe kế.

B. Cân điện tử.

C. Vôn kế.

D. Nhiệt kế.

Câu 16 **Lớp nằm ngoài cùng của da người là**

A. Lớp biểu bì.

B. Lớp bì.

C. Lớp mỡ dưới da.

D. Lớp cơ.

Câu 17 **Bộ phận dẫn nước tiểu từ thận đến bóng đái là**

A. Niệu đạo.

B. Ống dẫn nước tiểu.

C. Cầu thận.

D. Động mạch.

Câu 18 **Nhóm nào sau đây thuộc môi trường trong của cơ thể?**

A. Máu, nước mô và bạch huyết.

B. Máu, nước bọt và dịch vị.

C. Dịch mật, nước mô và nước bọt.

D. Dịch vị, dịch mật và bạch huyết.

Câu 19 **Khi cần thêm từng giọt dung dịch vào ống nghiệm, dụng cụ thích hợp nhất là**

A. Ống hút nhỏ giọt.

B. Cốc đong.

C. Cân điện tử.

D. Ống đong.

Câu 20 **Cơ quan tiết dịch mật tham gia quá trình tiêu hóa là**

A. Dạ dày.

B. Gan.

C. Tụy.

D. Ruột già.

Câu 21 **Hormone thyroxine được tiết ra bởi**

A. Tuyến tụy.

B. Tuyến giáp.

C. Tuyến mồ hôi.

D. Tuyến nước bọt.

Câu 22 **Trước khi tham gia hoạt động thể thao mạnh, chúng ta nên**

A. Vận động mạnh ngay từ đầu.

B. Khởi động phù hợp.

C. Ngồi nghỉ hoàn toàn.

D. Không cần chuẩn bị nếu cơ thể khỏe mạnh.

Câu 23 **Hệ cơ quan có chức năng tiếp nhận, biến đổi thức ăn và hấp thụ chất dinh dưỡng là**

A. Hệ hô hấp.

B. Hệ tuần hoàn.

C. Hệ tiêu hóa.

D. Hệ bài tiết.

Câu 24 **Bộ phận tạm thời chứa nước tiểu trước khi nước tiểu được thải ra ngoài môi trường là**

A. Bóng đái.

B. Niệu quản.

C. Ống đái.

D. Thận.

Câu 25 **Để đong 700 mL dung dịch NaCl, dụng cụ phù hợp nhất là**

A. Ống hút nhỏ giọt.

B. Cân điện tử.

C. Cốc đong 1000 mL.

D. Vôn kế.

Câu 26 **Thói quen nào sau đây có thể gây ảnh hưởng không tốt đến cột sống?**

A. Thường xuyên thay đổi tư thế phù hợp.

B. Ngồi học đúng tư thế.

C. Tập luyện thể dục vừa sức.

D. Ngồi lệch vai, cúi gập người trong thời gian dài.

Câu 27 **Thành phần nào của máu có vai trò vận chuyển chất dinh dưỡng hòa tan?**

A. Hồng cầu.

B. Tiểu cầu.

C. Huyết tương.

D. Hemoglobin.

Câu 28 **Nhóm nào sau đây chỉ gồm các cơ quan thuộc ống tiêu hóa?**

A. Miệng, thực quản, dạ dày, ruột non, ruột già.

B. Miệng, gan, tụy, ruột non, thận.

C. Thực quản, khí quản, dạ dày, ruột non.

D. Miệng, gan, tụy, ruột già.

Câu 29 **Tuyến trên da tiết mồ hôi, góp phần điều hòa thân nhiệt là**

A. Tuyến mồ hôi.

B. Tuyến giáp.

C. Tuyến tụy.

D. Tuyến nước bọt.

Câu 30 **Đặc điểm giúp hồng cầu thực hiện chức năng vận chuyển oxygen là**

A. Chứa hemoglobin có khả năng liên kết với oxygen.

B. Có khả năng tạo kháng thể.

C. Có khả năng tạo cục máu đông.

D. Chứa nhiều enzyme tiêu hóa.

Câu 31 **Ý nghĩa việc điều chỉnh nồng độ glucose trong máu về phạm vi ổn định có tác dụng**

A. Giúp duy trì môi trường trong ổn định để tế bào hoạt động bình thường.

B. Làm glucose hoàn toàn biến mất khỏi máu.

C. Ngăn cơ thể sử dụng glucose.

D. Làm ngừng quá trình trao đổi chất.

Câu 32 **Nhóm nào sau đây gồm các tuyến tiêu hóa?**

A. Tuyến nước bọt, tuyến vị, gan, tụy, tuyến ruột.

B. Tuyến nước bọt, khí quản, gan, thận.

C. Gan, tim, tụy, ruột non.

D. Tuyến vị, phổi, gan, tuyến mồ hôi.

Câu 33 **Duy trì ổn định môi trường trong có ý nghĩa chủ yếu là**

A. Giúp tế bào hoạt động bình thường.

B. Làm cơ thể ngừng trao đổi chất.

C. Làm giảm hoàn toàn nhu cầu dinh dưỡng.

D. Ngăn cơ thể trao đổi chất với môi trường.

Câu 34 **Biện pháp hỗ trợ phòng bệnh lây qua đường hô hấp là**

A. Đeo khẩu trang đúng cách.

B. Dùng chung cốc uống nước.

C. Đứng sát người bệnh để nghe rõ hơn.

D. Dùng chung khăn mặt nhiều người.

Câu 35 **Bộ phận thực hiện chức năng dẫn nước tiểu từ thận đến bóng đái là**

A. Bóng đái.

B. Ruột già.

C. Ống đái.

D. Ống dẫn nước tiểu (niệu quản).

Câu 36 **Việc duy trì ổn định môi trường trong cơ thể giúp**

A. Giúp cơ thể không cần lấy các chất từ môi trường.

B. Ngăn cơ thể mất nhiệt hoàn toàn.

C. Tạo điều kiện để tế bào hoạt động bình thường.

D. Làm mọi chỉ số sinh lí luôn bằng không.

Câu 37 **Hoạt động nào sau đây góp phần bảo vệ cơ, xương và khớp?**

A. Tập luyện quá sức hằng ngày.

B. Tập thể thao vừa sức và phù hợp.

C. Ngồi một tư thế trong nhiều giờ.

D. Thường xuyên mang vật nặng lệch một bên.

Câu 38 **Thói quen nào dưới đây có lợi cho hoạt động bình thường của hệ bài tiết nước tiểu?**

A. Nhịn tiểu thường xuyên.

B. Uống thật ít nước mỗi ngày.

C. Uống đủ nước phù hợp với hoạt động của cơ thể.

D. Tự ý dùng thuốc kéo dài.

Câu 39 **Bộ phận thần kinh ngoại biên ở người bao gồm**

A. Não và các dây thần kinh.

B. Não và tủy sống.

C. Dây thần kinh và hạch thần kinh.

D. Tủy sống và hạch thần kinh.

Câu 40 **Lớp nào nằm ngoài cùng của da người?**

A. Lớp bì.

B. Lớp biểu bì.

C. Lớp mỡ dưới da.

D. Lớp cơ.

Câu 41 **Chất dịch nào sau đây thuộc môi trường trong của cơ thể người?**

A. Dịch mật, nước mô.

B. Nước bọt, dịch vị, máu.

C. Dịch vị, dịch bạch huyết, máu.

D. Nước mô, máu, dịch bạch huyết.

Muốn tự tạo bài trắc nghiệm như thế này?

Quét QR hoặc truy cập: **baitracnghiem.app/tao-bai-trac-nghiem**

Luyện thêm cùng khóa học:

IELTS BREAKER: 89 bài từ vựng IELTS Speaking, học thử miễn phí, trọn bộ 199.000đ — diemdanh.app/khoa-hoc/ielts-breaker

Luyện nghe cơ bản (Basic level): 103 bài luyện nghe, học thử miễn phí, trọn bộ 99.000đ — diemdanh.app/khoa-hoc/luyen-nghe-basic-level-59

diemdanh.app